TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 188/2019/QĐST-HNGĐ	*C, ngày 10 tháng 05 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH BẾN TRE

Căn cứ Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH4 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 220/2019/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 04 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Anh Phạm Duy H, sinh năm 1983.

Địa chỉ: 341 ấp A1, xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Chị Nguyễn Thị Ngọc K, sinh năm 1990

Địa chỉ: 341 ấp A1, xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị K và anh H tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre vào năm 2014. Sau khi kết hôn chung sống hạnh phúc. Trong quá trình chung sống có hai con chung tên Phạm Duy A sinh ngày 28/03/2015 và Phạm Duy M sinh ngày 17/10/2016. Đến tháng 11 năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm về nhiều mặt, vợ chồng thường xuyên cải nhau, hai bên gia đình cũng đã khuyên nhủ, động viên, hòa giải nhưng không thể hàn gắn, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nên chị K và anh H yêu cầu Tòa giải quyết công nhận thuận tình ly hôn cho anh chị. Chị K không yêu cầu anh H cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn. Về con chung anh chị thỏa thuận anh H trực tiếp nuôi con chung tên Phạm Duy A và chị K trực tiếp nuôi con chung tên Phạm Duy M. Chị K và anh H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung: anh H và chị K tự thỏa thuận, nợ chung: chị K và anh H cùng khai không có.

[2] Anh H cũng thống nhất với lời trình bày của chị K và xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn với nhau. Yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn cho anh chị. Anh H không yêu cầu chị K cấp dưỡng cho anh sau khi ly hôn. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: anh H thống nhất với lời trình bày của chị K.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị Ngọc K với anh Phạm Duy H thuận tình ly hôn.

- Về con chung: chị K và anh H thống nhất anh H là người tiếp tục nuôi con chung Phạm Duy A sinh ngày 28/03/2015, ghi nhận anh H không yêu cầu chị K cấp dưỡng nuôi con. Chị K là người trực tiếp nuôi con chung tên Phạm Duy M sinh ngày 17/10/2016, ghi nhận chị K không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: chị K và anh H thống nhất tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: chị K và anh H đều khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Ghi nhận sự tự nguyện của chị K và anh H không yêu cầu cấp dưỡng cho nhau sau khi ly hôn.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về việc hôn nhân gia đình là 300.000 đồng, anh Phạm Duy H tự nguyện nộp do chị Nguyễn Thị Ngọc K tự nguyện nộp thay được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003088 ngày 05/04/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre. Chị K và anh H đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**** Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- UBND xã A;
- Lưu.

THẨM PHÁN
(Đã ký tên và đóng dấu)

Trần Thị Ánh